



Hệ thống giáo dục

Vương quốc Anh

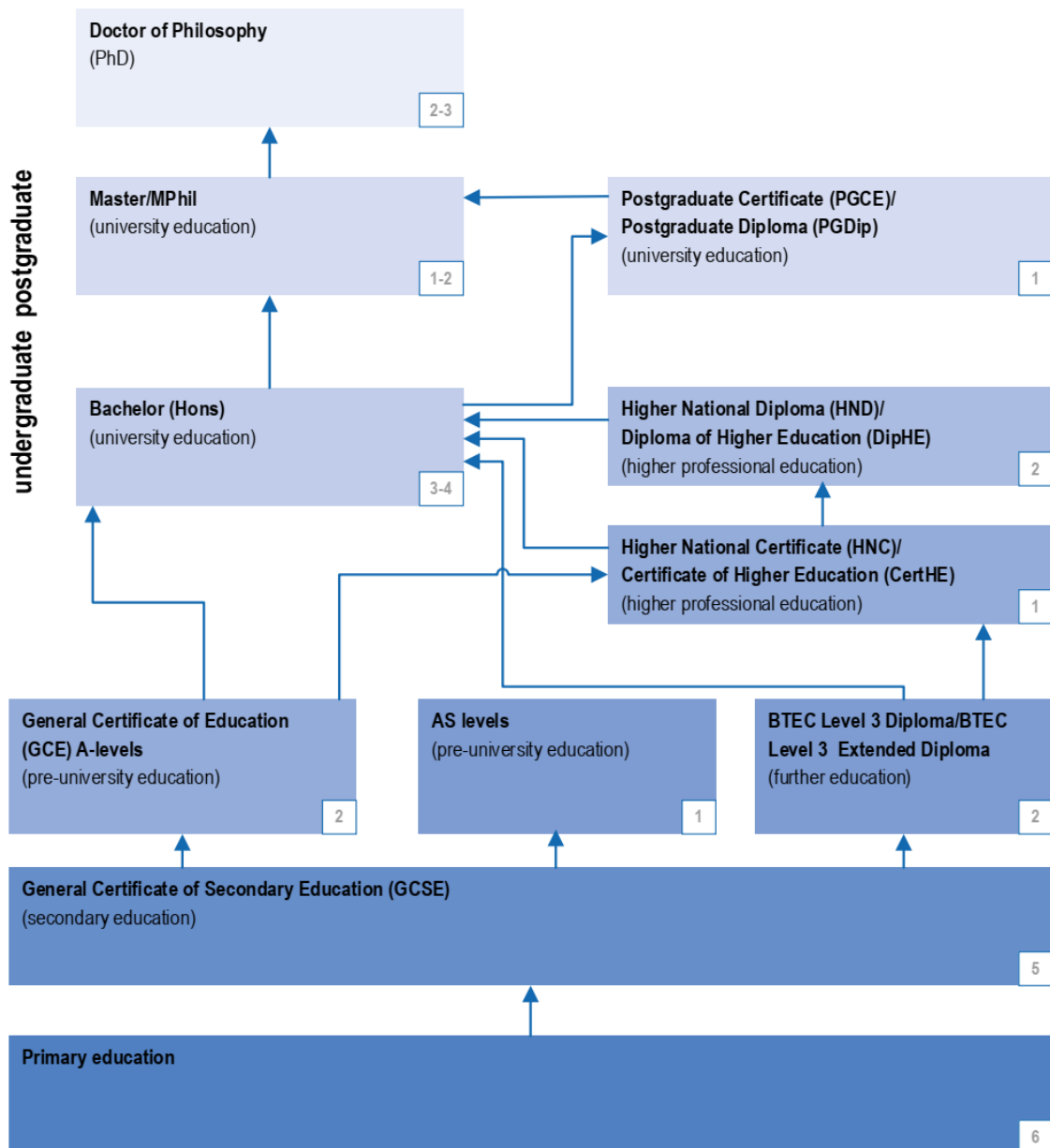
Miêu tả và so sánh với hệ thống giáo dục Hà Lan



Ấn phẩm này phải tuân theo Giấy phép Ghi nhận bản quyền phi thương mại 3.0- Creative Commons Attribution Non- Commercial 3.0 Unported (CC BY-NC 3.0). Để biết thêm thông tin về việc tái sử dụng ấn phẩm này xin hãy truy cập website.

<https://www.nuffic.nl/en/home/copyright>.

▪ Hệ thống giáo dục Vương quốc Anh



▪ Bảng đánh giá

Trong bảng dưới đây, cột bên trái liệt kê các văn bằng nước ngoài phổ biến với bậc trình độ tương ứng trong khung trình độ quốc gia. Các cột còn lại liệt kê các cấp độ tương ứng theo khung trình độ châu Âu và Hà Lan.

Degree or qualification and QCF level		EQF level	Dutch equivalent and NLQF level		EQF level
England, Wales & Northern Ireland	QCF-level				
<i>General Certificate of Secondary Education</i> in 6 subjects with grades D to G or 3 to 1	1	2	VMBO-T diploma	2	2
<i>General Certificate of Secondary Education</i> in 6 subjects with grades A* to C or 9 to 4	1	2	At least a VMBO-T diploma	2	2
<i>BTEC Level 3 Diploma</i>	3	3	MBO diploma (qualification level 3)	3	3
<i>BTEC Level 3 Extended Diploma (180 credits)</i>	3	4	MBO diploma (qualification level 4)	4	4
<i>Access to HE Diploma</i>	3	4	MBO diploma (qualification level 4), HAVO or VWO diploma	4/4+	4
<i>General Certificate of Secondary Education</i> in 4 subjects with grades A to C or 9 to 4 + <i>General Certificate of Education</i> with 2 subjects on advanced subsidiary level (in 6 different subjects)	3	4	HAVO diploma	4	4

Degree or qualification	QCF level	EQF level	Dutch equivalent	NLQF level	EQF level
<i>General Certificate of Secondary Education</i> in 3 subjects with grades A* to C or 9 to 4 + <i>General Certificate of Education</i> with 3 subjects on advanced level (in 6 different subjects)	3	4	VWO diploma	4+	4
<i>Higher National Certificate (HNC)/ Certificate of Higher Education (CertHE)</i>	4	5	2 years of HBO	5	5
<i>Higher National Diploma (HND)/ Diploma of Higher Education (DipHE)</i>	5	5	3 years of HBO	5	5
<i>Honours Bachelor degree</i> (3 or 4 years)	6	6	HBO or WO bachelor's degree	6	6
<i>Master of Science/ Master of Arts</i> (1 or 2 years)	7	7	HBO or WO master's degree	7	7
<i>Master of Philosophy</i> (2 years)	7	7	WO master's degree (research master)	7	7
Scottish qualifications	SCQF level	EQF level	Dutch equivalent	NLQF level	EQF level
<i>Scottish Qualifications Certificate met 4 Highers</i>	6	4	HAVO diploma	4	4
<i>Scottish Qualifications Certificate met 2 Advanced Highers</i> (plus 4 Highers)	7	4	VWO diploma	4+	4
<i>Honours Bachelor degree</i>	10	6	HBO or WO bachelor's degree	6	6

Scottish qualifications	SCQF level	EQF level	Dutch equivalent	NLQF level	EQF level
<i>Master of Arts (Honours) degree</i> (4 old universities)	11	6	HBO or WO bachelor's degree	6	6
<i>Master of Science/ Master of Arts degree</i> (the other universities)	11	7	HBO or WO master's degree	7	7

NB

- The information provided in the table is a general recommendation from which no rights may be derived.
- QCF = British Qualifications Framework. SCQF = Scottish Qualifications Framework. NLQF = Dutch Qualifications Framework. EQF = European Qualifications Framework.
- The EQF/[NLQF level](#) is not so much a reflection of study load or content; rather, it is an indication of a person's knowledge and skills after having completed a certain programme of study.
- Information about Dutch equivalent qualifications can be found on our website: [the Dutch education system](#).
- [The Cooperation Organisation for Vocational Education, Training and the Labour Market \(SBB\)](#), evaluates statements on foreign qualifications and training at VMBO and MBO level. The evaluation may vary if SBB evaluates the diploma for admission to VET schools or the labour market in the Netherlands.

▪ Giới thiệu

Vương quốc Anh là một quần đảo bao gồm đảo Great Britain (England, Wales, Scotland) và phía bắc của đảo Ireland.

Thế chế chính phủ

Vương quốc Anh theo chế độ quân chủ nghị viện với người đứng đầu đất nước là Nữ Hoàng Elizabeth II. Nữ hoàng cũng đồng thời là người đứng đầu một số vùng lãnh thổ nhỏ ở nước ngoài và nhiều nước từng là thuộc địa của Đế quốc Anh như Canada, Úc và New Zealand.

Giáo dục

Tại Anh, Sở Giáo dục là cơ quan phụ trách lĩnh vực giáo dục. Tại Scotland, Wales và Bắc Ireland, trách nhiệm liên quan đến giáo dục đã được ủy thác cho Sở giáo dục của từng nước.

Văn bản pháp luật về giáo dục bao gồm nhiều Đạo luật Giáo dục khác nhau. Ví dụ như quyền của các trường đại học được nêu trong Hiến chương Hoàng gia hoặc Đạo luật của Quốc hội. Mặc dù các cơ sở giáo dục tư nhân không chính thức được chính phủ công nhận, các chương trình đào tạo của các cơ sở này vẫn có thể được hợp thức hóa hoặc công nhận bởi các trường đại học hoặc các cơ quan kiểm định.

Một số đặc điểm chung:

- Giáo dục bắt buộc: từ 5 đến 16 tuổi (18 tuổi đối với nước Anh).
- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh.
- Năm học: từ tháng Tám đến tháng Năm.
- Niên học: từ tháng Chín đến tháng Bảy.

▪ Anh, Xứ Wales và Bắc Ireland

Giáo dục tiểu học

Ở Anh, Xứ Wales và Bắc Ireland, giáo dục tiểu học là bắt buộc đối trẻ em từ 5 đến 11 tuổi và được giảng dạy tại các trường công và trường tư.

Giáo dục trung học

Giáo dục trung học cơ sở kéo dài 5 năm và là bắt buộc đối với học sinh từ 11 đến 16 tuổi. Kết thúc giai đoạn này, học sinh có thể tham gia các bài kiểm tra để được cấp Chứng chỉ Giáo dục Phổ thông (GCSE).

Chứng chỉ Giáo dục Phổ thông (GCSE)

Học sinh có thể tự chọn số lượng và các môn sẽ thi trong kỳ kiểm tra. Đây là lý do vì sao số lượng môn thi giữa các học sinh có sự khác biệt rất lớn, với con số trung bình dao động trong khoảng từ 5 đến 10 môn. Kết quả của các bài thi sẽ được chấm theo hệ điểm chữ:

- A* đến G (A* là điểm cao hơn điểm A)
- A*, A, B và C là điểm tốt.
- D đến G là điểm đủ qua hoặc đạt.

Các sửa đổi tại Anh

Vào năm 2015, các chứng chỉ GCSE tại Anh đã được thay đổi, cả về bậc trình độ chứng chỉ này đại diện (tăng cao hơn so với trước đây) và về mặt tổ chức. Ví dụ, từ tháng 9 năm 2015, các chứng chỉ GCSE có cấu trúc tuyến tính, với các kỳ thi được tổ chức vào cuối khóa học (sau mỗi 2 năm) thay vì vào giữa kỳ. Hệ thống đánh giá cũng đã được sửa đổi:

- A* đến G được thay bằng điểm số: 9 đến 1, với 9 là điểm cao nhất.

Lưu ý: các bài kiểm tra chấm bằng hệ điểm “9 đến 1” được áp dụng đầu tiên với các môn ngôn ngữ Anh, văn học Anh và toán học vào năm 2017 và mở rộng ra các môn học còn lại trong giai đoạn 2018 và 2019.

Các bài kiểm tra GCSE đầu tiên sau cải cách được diễn ra vào năm 2017. Rất nhiều môn thi đã bị hủy và sẽ bị xóa khỏi danh sách môn thi vào tháng 9 năm 2018.

[Trang web](#) của chính phủ cung cấp thông tin chi tiết về các môn GCSE mới và các môn GCSE đã bị hủy.

Lưu ý: Các thay đổi này không được áp dụng tại xứ Wales và Bắc Ireland.

Chứng chỉ Giáo dục Chung (GCE)

Các lựa chọn hậu GCSE bao gồm giáo dục dự bị đại học hoặc giáo dục trung cấp nghề.

Giáo dục dự bị đại học ở Anh, xứ Wales và Bắc Ireland:

- Thời gian: 2 năm (giáo dục phổ Thông) cho trình độ nâng cao (A levels).
- Nội dung học: học sinh có thể tự chọn số lượng và các môn sẽ thi trong kỳ kiểm tra. Đa số chọn 3 môn trình độ A (A levels) vì hầu hết các trường đại học yêu cầu một chứng chỉ GCE với 3 môn trình độ A cùng ít nhất 3 GCSE để đủ điều kiện xét tuyển.

GCE kéo dài tổng cộng 13 năm:

- 6 năm giáo dục tiểu học;
- 5 năm GCSE;
- 2 năm GCE.

Một lựa chọn thay thế cho A-levels bằng hỗ trợ cao cấp (AS level) của GCE. Khối lượng chương trình học của trình độ AS chỉ bằng khoảng một nửa của A level. Bên cạnh đó, các kỳ thi AS cũng ở bậc trình độ thấp hơn so với các kỳ thi A level.

Cải cách GCE tại Anh

Tại Anh, các bài kiểm tra GCE, các sửa đổi trong kì thi GCE có hiệu lực từ năm 2015. Các trường đại học đã có ảnh hưởng hơn trong nội dung của các bài thi này. Các bậc trình độ AS đã được tách ra khỏi A level và không còn được tính vào kết quả của bài thi A level. Hiện nay học sinh phải tham gia thi:

- sau khi học trình độ AS 1 năm;
- sau khi học trình độ A level 2 năm.

Hệ thống chấm điểm cho các kì thi GCEs được giữ nguyên:

- từ A đến E cho trình độ AS;

- từ A* đến E cho trình độ A level.

Các bài kiểm tra AS và A level theo hình thức mới được tổ chức lần lượt vào năm 2016 và 2017. Rất nhiều môn thi đã bị hủy và sẽ được xóa khỏi danh sách các môn thi có hiệu lực vào tháng 9 năm 2018.

Lưu ý: Các thay đổi này không được áp dụng tại xứ Wales và Bắc Ireland.

Hội đồng thi

Kì thi GCSE và GCE được tổ chức bởi nhiều hội đồng thi khu vực khác nhau. Rất nhiều hội đồng trong số đó đã hợp nhất trong các năm vừa qua. Một số hội đồng thi nổi tiếng được liệt kê dưới đây:

- AQA
- Pearson
- OCR
- WJEC (xứ Wales)
- CEA (Bắc Ireland)

Bên cạnh đó còn có hội đồng thi Các bài kiểm tra quốc tế Đại học Cambridge chỉ tập trung vào giáo dục quốc tế. Tổ chức này cung cấp các biến thể quốc tế của bằng cấp tại Anh như:

- Chứng chỉ Giáo dục phổ thông Quốc tế (IGCSE);
- Cambridge O level;
- Cambridge AS và A level Quốc tế.

Về bậc trình độ, các bằng này có thể tương đương với trình độ GCSE, AS và A level thông thường. Các thay đổi trong bài thi GCSE và GCE không được áp dụng đối với các bằng cấp được trao bởi Hội đồng các bài kiểm tra quốc tế Đại học Cambridge.

Cambridge Pre-U (*Bằng dự bị đại học Cambridge*)

Hội đồng các bài kiểm tra quốc tế Đại học Cambridge cung cấp Cambridge Pre-U như một sự thay thế cho GCE A level tại Vương quốc Anh. Văn bằng này bắt đầu được cấp vào năm 2008 và đã được xây dựng cùng với rất nhiều trường đại học khác:

- Thời gian: 2 năm.
- Nội dung học: lựa chọn giữa 27 môn học chính của Cambridge Pre-U. Các bài kiểm tra sẽ diễn ra và cuối 2 năm học. Học sinh sẽ tự chọn môn học và số lượng môn thi. Đa số chọn 3 môn A level vì đa số các trường đại học yêu cầu đầu vào là bằng GCE với 3 môn A level, kết hợp với ít nhất 3 môn GCSE.
- Văn bằng: học sinh sẽ được trao Bằng Cambridge Pre-U nếu đạt 4 môn thành phần, bao gồm 3 môn chính và khóa Quan điểm và Nghiên cứu Toàn cầu (GPR). Học sinh sẽ được trao một chứng chỉ Cambridge Pre-U Quốc tế cho mỗi môn sau đó.

Lưu ý: Tổ chức Cambridge Quốc tế cũng cung cấp các khóa Cambridge Pre-U ngắn hạn kéo dài 1 năm gồm các môn ngôn ngữ hiện đại, toán học, toán nâng cao và quan điểm toàn cầu. Học sinh có thể học một khóa ngắn hạn trong năm đầu hoặc năm thứ hai như một hình thức mở rộng tổ hợp môn.

Ngoài ra, học sinh cũng có thể kết hợp một số môn học chính và các môn GCE A level. Lưu ý rằng rất nhiều trường đại học tại Anh chấp nhận Quan điểm và Nghiên cứu Toàn cầu (GPR) thay cho các văn bằng trình độ A level.

Giáo dục Trung cấp nghề

Tại Vương quốc Anh, giáo dục trung cấp nghề thường được gọi là giáo dục nâng cao (*further education*). Bậc học này tách biệt với giáo dục phổ thông và cũng không thuộc giáo dục đại học. Thuật ngữ “giáo dục nâng cao” bao trùm cả giáo dục nghề nghiệp và giáo dục nghề nghiệp kết hợp giáo dục phổ thông.

Các chứng chỉ phổ biến trong giáo dục nghề nghiệp là bằng BTEC trình độ 3 (trước kia được biết đến là Chứng chỉ Quốc gia - *National Certificate*) và bằng BTEC trình độ 3 Mở rộng (trước kia được biết đến là Văn bằng Quốc gia - *National Diploma*).

- Thời gian: thường kéo dài 2 năm (hình thức bán thời gian đối với chương trình Chứng chỉ và toàn thời gian với chương trình Bằng Quốc gia mở rộng).
- Nội dung học: tùy thuộc vào từng chuyên ngành, ví dụ như kinh doanh, IT hay y tế; các khóa học cấp Bằng Quốc gia Mở rộng thường bao gồm 18 môn học; học sinh học chương trình văn bằng thông thường sẽ cần đạt ít môn hơn.

- Xét tuyển: về mặt lý thuyết, cả hai loại văn bằng tại Vương quốc Anh đều đủ điều kiện xét tuyển lên giáo dục đại học và tìm kiếm việc làm trong thị trường lao động.
- Văn bằng: bằng BTEC trình độ 3 và bằng BTEC trình độ 3 Mở rộng. Các văn bằng được trao bởi Cơ quan kiểm tra quốc gia Edexcel (trước đây là BTEC – Hội đồng Giáo dục Kinh doanh và Công nghệ).

▪ Nhập học Đại học

Trong đa số các trường hợp, việc xét tuyển vào đại học được dựa trên cơ sở GCE A - levels và GCSEs. Từ một năm trước ngày nhập học dự kiến, các ứng viên phải nộp hồ sơ tới Tổ chức Tuyển sinh Đại học và Cao đẳng (Universities and Colleges Admissions Service - UCAS), một cơ quan trung tâm về tuyển sinh và phân công.

Xét tuyển dựa trên văn bằng A level

Sau khi chấp nhận một thí sinh, UCAS sẽ chuyển tiếp hồ sơ ứng tuyển của thí sinh đó tới các trường đại học thuộc UCAS. Vài tháng trước kì thi A-levels, thí sinh sẽ nhận được thư mời nhập học một chương trình nhất định từ các trường đại học với điều kiện thí sinh đó phải đạt được kết quả bài thi như đã nêu rõ trong thư.

Nhập học thông qua UCAS:

- Yêu cầu chung tối thiểu là 2 GCE A level và 3 GCSE trong 5 môn học khác nhau.

Các trường đại học cũng xây dựng một số yêu cầu riêng (dựa vào từng chương trình học và số lượng tuyển sinh):

- Các yêu cầu đầu vào của các khóa học thường sẽ cao hơn so với yêu cầu tối thiểu: 3 GCE A level (+ 3 GCSE) với đa số các chương trình văn bằng.

Lưu ý: Nhiều trường đại học tại Anh cũng chấp nhận 2 chứng chỉ trình độ AS bổ sung thay cho bằng A level thứ 3 với điều kiện các môn thi chứng chỉ AS phải khác so với các môn A level.

Xét tuyển dựa trên bằng BTEC trình độ 3

Ngoài xét tuyển đại học thông qua giáo dục phổ thông và giáo dục dự bị đại học, học sinh cũng có thể được xét tuyển dựa trên giáo dục nghề nghiệp ('giáo dục nâng cao'). Trong trường hợp đó, trường học sẽ yêu cầu:

- bằng BTEC trình độ 3 hoặc bằng BTEC trình độ 3 Mở rộng (180 tín chỉ);
- kết quả kiểm tra đạt điểm nhất định, ví dụ như đạt điểm trung bình tối thiểu 60% hoặc đạt kết quả xuất sắc trong một số môn thi nhất định.

Lưu ý: Ứng viên có Bằng Mở rộng có thể được xét tuyển vào các chương trình học liên quan tùy vào từng trường hợp, nhưng không phải tất cả các trường đại học tại Anh đều chấp nhận bằng này.

Dự bị Giáo dục Đại học

Khóa học Dự bị Giáo dục Đại học là các chương trình đặc biệt dành cho những sinh viên muốn được cấp bằng đại học nhưng đạt đủ điều kiện xét tuyển. Một loạt các trường cao đẳng giáo dục nâng cao ở Anh và Wales cung cấp hơn 1100 các chương trình Dự bị khác nhau với rất nhiều môn học thuộc các lĩnh vực:

- Thời gian: 1 năm toàn thời gian hoặc 2 năm (trở lên) bán thời gian. Các chương trình này cũng có thể được học dưới hình thức giáo dục từ xa hoặc các lớp buổi tối.
- Điều kiện đầu vào: thường yêu cầu 1 hoặc nhiều môn GSCE (điểm từ A đến C) ở các môn tiếng Anh và/hoặc toán và/hoặc khoa học tự nhiên; trong một vài trường hợp, học sinh cũng phải tham gia một kì thi đầu vào.
- Nội dung học: đa số các môn định hướng nghề đều nhằm chuẩn bị cho học sinh để tham gia giáo dục đại học trong các chương trình liên quan; học sinh cần hoàn thành 60 tín chỉ để đạt được văn bằng này.
- Văn bằng: Văn bằng Dự bị Đại học (+ tên chương trình), ví dụ Văn bằng Dự bị Đại học (Khoa học Y tế).

Các chương trình Dự bị Đại học được công nhận và đảm bảo chất lượng bởi Cơ quan đảm bảo chất lượng giáo dục Đại (QAA).

▪ Giáo dục đại học

Giáo dục đại học ở Vương quốc Anh được giảng dạy bởi các cơ sở sau:

- các trường đại học;
- các cơ sở giáo dục ngoài đại học (ví dụ như các trường cao đẳng, viện nghiên cứu, trường và học viện).

Tất cả các các cơ sở này đều cung cấp cả giáo dục định hướng học thuật và chuyên nghiệp. Nói cách khác, Vương quốc Anh không có một hệ thống nhị phân với các cơ sở giáo dục cung cấp riêng giáo dục định hướng nghiên cứu hay định hướng chuyên nghiệp. Ví dụ, một vài cơ sở giáo dục cung cấp chương trình Cử nhân Kỹ sư theo cả hai hướng học thuật và chuyên nghiệp.

Các chương trình cấp bằng và không cấp bằng

Vì các chương trình học có thể theo cả hai định hướng học thuật và chuyên nghiệp, đặc điểm của chương trình là tiêu chí phân biệt phù hợp hơn:

- Các chương trình cấp bằng sẽ trao văn bằng vào cuối chương (bằng cử nhân, thạc sĩ hoặc tiến sĩ).
- Các chương trình không cấp bằng sẽ trao một loại chứng chỉ khác, thường là dưới dạng chứng chỉ hoặc bằng cấp.

Tín chỉ ECTS và CATS

Một số trường đại học ở Anh dùng tín chỉ ECTS (Hệ thống Tích lũy và Chuyển đổi tín chỉ Châu Âu) để thể hiện khối lượng môn học. Các trường này cũng sử dụng một hệ thống tín chỉ riêng biệt: CATS (với 120 điểm mỗi năm, tổng cộng chương trình cử nhân là 360 điểm. Hệ thống này gọi là hệ thống điểm CATS (Hệ thống tích lũy và chuyển đổi tín chỉ).

- ECTS ước lượng học sinh sẽ phải hoàn thành 60 tín chỉ một năm;
- CATS dựa trên hệ 120 tín chỉ mỗi năm.

Trong tài liệu hướng dẫn của khóa học và danh sách môn học, các trường đại học ở Anh thường sử dụng cả CATS và ECTS. Tại các trường đại học đó, các chương trình cử nhân (kéo dài từ 3 đến 4 năm) bao gồm 60 tín chỉ ECTS mỗi năm (tương đương 120 CATS), trong khi sinh viên bậc thạc sĩ cần đạt 90 tín chỉ ECTS (180

CATS) mỗi năm. Điều này là vì các trường đại học Anh không coi chương trình thạc sĩ kéo dài 1 năm là một năm học mà là một năm 12 tháng và do đó có thể đạt được hơn 60 tín chỉ ECTS.

▪ Giáo dục Đại học

Giáo dục Đại học ở Anh bao gồm hai giai đoạn:

- Chương trình đại học;
- Chương trình cao học.

Chương trình đại học tiếp nối giáo dục phổ thông và khi hoàn thành sẽ được trao một “First degree”. Trong hầu hết các trường hợp, đây là văn bằng cử nhân, dù trong trường hợp cá biệt (vì các lý do lịch sử), bằng này có thể được coi là văn bằng thạc sĩ.

Chương trình cao học xây dựng trên kiến thức và các kỹ năng đạt được trong giai đoạn đại học và sau khi hoàn thành sẽ được trao một trong số các văn bằng sau:

- văn bằng sau đại học
- bằng cao học
- chứng chỉ

Văn bằng sau đại học ở đây là bằng Thạc sĩ hoặc Tiến sĩ (và có thể là một nhóm nhỏ bằng Cử nhân có bản chất là văn bằng sau đại học nhưng vì một số lý do lịch sử nên được gọi như vậy).

Các chương trình đại học

Trong hầu hết các trường hợp, các chương trình đại học thường là chương trình cử nhân danh dự.

- Thời gian: thường kéo dài 3 năm, nhưng ngoài ra cũng tồn tại các chương trình dài 4 năm như các chương trình “xen kẽ” với 1 năm thực tập để sinh viên tích lũy kinh nghiệm làm việc. Lưu ý: ngành y học, thú y, nha khoa và kiến trúc kéo dài từ 5 đến 6 năm.

- Khối lượng học tập: 120 tín chỉ mỗi năm, nghĩa là 360 tín chỉ cho 3 năm học.
- Nội dung học: thuyết trình và viết luận, tham gia nhóm học tập, các bài kiểm tra theo từng môn học. Các bài thuyết trình của sinh viên trong suốt chương trình học

sẽ được tính vào kết quả cuối cùng (đánh giá liên tục); các bài thi cuối kỳ kiểm tra tất cả kiến thức đã học được trong suốt khóa học của cả một năm ngày càng ít được áp dụng.

- Văn bằng: Văn bằng Cử nhân danh dự + tên chương trình.

Các văn bằng cử nhân thường được chia làm 2 loại chính:

- Khoa học, bao gồm tất cả các môn học khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Đại cương, bao gồm tất cả các chương trình văn bằng khác.

Tuy nhiên, một số lượng lớn các biến thể đã được đưa vào sử dụng, ví dụ như:

- Bcom (Cử nhân Thương Mại - *Bachelor of Commerce*);
- BEd (Cử nhân Giáo dục - *Bachelor of Education*);
- BEng (Cử nhân Kỹ sư - *Bachelor of Engineering*);
- LLB (Cử nhân Luật - *Bachelor of Law*) và hàng tá các tên gọi khác.

Sinh viên không thể hoặc không muốn hoàn thành trọn vẹn 3 năm chương trình cử nhân có thể nhận được một chứng chỉ ra trường hoặc chứng chỉ trung cấp sau khi hoàn thành năm thứ nhất hoặc thứ hai. Sau khi hoàn thành năm thứ nhất (120 tín chỉ), các sinh viên này sẽ được trao:

- Chứng chỉ Giáo dục Đại học (DipHE).

Và sau khi hoàn thành 60 tín chỉ của năm thứ 3 (và ít nhất 300 tín chỉ tổng cộng), sinh viên sẽ được trao:

- Văn bằng Cử nhân đại trà (Ordinary Bachelor degree) nếu không đạt các yêu cầu của chương trình danh dự).

Các cơ sở có thể trao bằng cử nhân dưới dạng:

- Bằng danh dự;
- Bằng đại trà (hay còn được biết đến là bằng đạt – *pass degree*).

Bằng danh dự thể hiện sinh viên đã hoàn thành chương trình danh dự. Đây là các chương trình cử nhân có thời lượng bằng với chương trình cử nhân thường (3 hoặc 4 năm) nhưng lại có khối lượng học nhiều hơn và nhiều bài kiểm tra hơn. Chỉ các sinh viên theo học chương trình danh dự mới có đủ điều kiện học lên các chương trình thạc

sĩ. Sinh viên được trao bằng Cử nhân Đại trà không thể tiếp tục học bậc cao học.

Trong bối cảnh này, thuật ngữ “ danh dự” ở đây không được dùng để chỉ loại tốt nghiệp mà chỉ thể hiện việc sinh viên đã theo học một chương trình danh dự.

Các trường đại học tại Anh sử dụng một hệ thống xếp loại để thể hiện thành tích thực sự của sinh viên, với các xếp loại dựa trên kết quả trung bình:

- *first class* (70% trở lên);
- *upper second class*, 60 – 70% hoặc *second class division 1* (viết tắt là 2:1);
- *lower second class*, 50 – 60%, hoặc *second class division 2* (viết tắt là 2:2);
- *third class*, 40 – 50%.

Lưu ý: Trong hệ thống của Anh, các xếp loại này chỉ được áp dụng với bằng Cử nhân chứ không được sử dụng trong bằng Cử nhân Đại trà và Thạc sĩ.

Các chương trình Cao học

Các chương trình bậc Thạc sĩ tại các trường đại học Anh từ trước tới nay luôn được xếp vào chương trình cao học, nghĩa là các chương trình sinh viên theo học sau khi hoàn thành văn bằng đầu tiên (first degree). Có 2 loại bằng thạc sĩ: Thạc sĩ Đại trà và Thạc sĩ Nghiên cứu (*Master of Philosophy – MPhil*).

- Thời gian: 1 năm¹, và 2 năm đối với Thạc sĩ Nghiên cứu.
- Khối lượng học tập: 180 tín chỉ cho 12 tháng học.
- Nội dung học: dựa vào từng loại chương trình, đọc thêm bên dưới.
- Điều kiện xét tuyển: yêu cầu tiêu chuẩn đối với chương trình thạc sĩ là một bằng danh dự loại ưu, nghĩa là bằng Cử nhân Danh dự với xếp loại *first-class* hoặc *upper second-class (2:1)*. Các trường đại học có thể đề ra các yêu cầu phụ, nhưng học cũng có thể chấp nhận các sinh viên với văn bằng xếp loại thấp hơn yêu cầu tiêu chuẩn, ví dụ như văn bằng loại *lower second-class* hoặc thậm chí bằng đại trà.

¹Ngoại lệ: Ngoài ra cũng có các chương trình bậc thạc sĩ ‘trực tiếp’ với thời gian học kéo dài 4 năm. Học sinh có thể ngay lập tức theo học chương trình này sau khi hoàn thành các bài kiểm tra GCE A levels. Tại Anh, các chương trình thạc sĩ ‘trực tiếp’ này bao gồm một nhóm nhỏ các trường mà chủ yếu trong số đó là các cơ sở đào tạo kỹ thuật. Trong trường hợp này, sinh viên được ‘bỏ qua’ bậc cử nhân và đạt được bằng thạc sĩ chỉ sau 4 năm. Các chương trình này còn được biết đến với tên gọi ‘thạc sĩ tích hợp’ (480 tín chỉ).

- Văn bằng: Thạc sĩ Nghiên cứu (*Master of Philosophy – MPhil.*) hoặc một văn bằng từ các chương trình bậc thạc sĩ phổ biến như Thạc sĩ Đại cương (*Master of Arts – MA*), Thạc sĩ Khoa học (*Master of Science – MSc*), Thạc sĩ Kỹ thuật (*Master of Engineering – MEng*), Thạc sĩ Vật lý (*Master of Physics – MPhys*), Thạc sĩ Hóa học (*Master of Chemistry – MChem*), Thạc sĩ Toán học (*Master of Mathematics – MMath*), Thạc sĩ Dược (*Master of Pharmacy – MPharm*).

Sinh viên không thể hoặc không muốn hoàn thành chương trình thạc sĩ đầy đủ sẽ được cấp chứng chỉ ra trường hoặc chứng chỉ trung cấp sau khi tích lũy đủ một phần của số tín chỉ yêu cầu.

Sau khi hoàn thành 60 tín chỉ, các sinh viên này sẽ được cấp một Chứng chỉ Cao học (PGCE);

Sau khi hoàn thành 120 tín chỉ, họ sẽ được cấp một Văn bằng Cao học (Postgraduate Diploma).

Chương trình bậc thạc sĩ đại trà cũng được chia làm 2 loại:

- Thạc sĩ được hướng dẫn (*master by instruction*), dựa trên việc theo học theo một chương trình học;
- Thạc sĩ thông qua nghiên cứu (*master by research*), dựa trên nghiên cứu và một bài luận văn.

Vì vậy, dù các chương trình này có tính chất khác nhau nhưng vẫn được đánh giá tương đương về trình độ. Các chương trình này thường kéo dài 1 năm (một năm đủ 12 tháng theo lịch thay vì một năm học), đôi khi sẽ dài hơn và trong một vài trường hợp hiếm là 2 năm. Khi kết thúc cả hai chương trình, sinh viên đều sẽ được trao một văn bằng thạc sĩ với danh hiệu nêu rõ tên chương trình học (giống như với bằng cử nhân).

Bằng Thạc sĩ Đại cương (*Master of Arts*) được trao bởi các trường đại học Oxford và Cambridge là một ngoại lệ. Sinh viên có thể được trao các văn bằng này sau ít nhất 2 năm kể từ khi được cấp bằng Cử nhân Đại cương Danh dự (Bachelor of Arts (Hons)), nghĩa là không cần tiếp tục tham gia học tập, nghiên cứu hay kiểm tra sau khi hoàn thành bậc cử nhân.

Loại bằng thứ 2, Thạc sĩ Nghiên cứu (Master of Philosophy – *MPhil*), là một chương trình nghiên cứu kéo dài 2 năm, tập trung chủ yếu vào nghiên cứu và bao gồm rất ít, hoặc thậm chí là không có, các tiết học. Bằng MPhil đại diện một bậc trình độ cao hơn bằng thạc sĩ thông thường. Cần lưu ý rằng trong hoàn cảnh này, thuật ngữ ‘philosophy’ không chỉ việc chương trình học liên quan đến Triết học (vì chương trình MPhil có tất cả các ngành) mà thể hiện bản chất của chương trình là chủ yếu tiến hành nghiên cứu.

Các chương trình Tiến sĩ

Sau khi được trao bằng thạc sĩ, sinh viên có thể tiếp tục học lên chương trình Tiến sĩ (PhD):

- Thời gian: 2 đến 3 năm;
- Nội dung học: nghiên cứu và một luận án tiến sĩ.
- Văn bằng: Tiến sĩ Nghiên cứu (*Doctor of Philosophy – PhD hoặc Dphil*).

Trong thực tế, bên cạnh văn bằng thạc sĩ, nhiều trường đại học cũng chấp nhận một văn bằng Cử nhân Danh dự (xếp loại *first class* hoặc *upper second class*) để nhập học chương trình Tiến sĩ - PhD. Tuy nhiên trong trường hợp này, nghiên cứu sinh Tiến sĩ thường sẽ phải theo học các lớp học bổ sung để hỗ trợ cho đề án nghiên cứu của mình.

Các văn bằng Tiến sĩ Chuyên nghiệp được trao trong ngành y dược, chăm sóc sức khỏe và các chương trình trong khối ngành kiến trúc, thần học, tâm lý học và kinh doanh.

- Thời gian: ít nhất 3 năm.
- Nội dung học: nghiên cứu và luận án tiến sĩ.
- Văn bằng: Tiến sĩ + tên chương trình học.

Các ví dụ về bằng tiến sĩ chuyên nghiệp:

- Tiến sĩ Y học (DMedSci)
- Tiến sĩ Chiropracty (DChiro)
- Tiến sĩ Công tác Xã hội (DSW, DSocW)
- Tiến sĩ Tâm lý học (DPsych, PsyD, PsychD)
- Tiến sĩ Quản trị Kinh doanh (DBA)

- Tiến sĩ Giáo dục (EdD)
- Tiến sĩ Kỹ thuật (DEng)
- Tiến sĩ Khoa học Xã hội (DSocSci)
- Tiến sĩ Xây dựng Môi trường (BEnv)
- Tiến sĩ Thần học (ThD)
- Tiến sĩ Khoa học Máy tính (DCompSci)

▪ Giáo dục Cao đẳng nghề

Rất nhiều loại hình cơ sở giáo dục khác nhau tại Vương quốc Anh giảng dạy các chương trình cao đẳng nghề. Học sinh có thể chọn theo học:

- Một chương trình cấp bằng, ví dụ như ở một trường đại học;
- Một chương trình không cấp bằng để nhận được các chứng chỉ được công nhận trên toàn quốc được cấp bởi các cộng đồng chuyên môn hoặc các tổ chức liên hiệp khác, ví dụ như Edexcel.

Chứng chỉ Cao đẳng nghề Quốc gia và Văn bằng Cao đẳng nghề Quốc gia

2 chứng chỉ ngoài văn bằng quan trọng nhất trong giáo dục cao đẳng nghề được trao bởi Edexcel:

- Chứng chỉ Cao đẳng nghề Quốc gia (HNC);
- Văn bằng Cao đẳng nghề Quốc gia (HND).

Một vài trường đại học cũng cung cấp các bằng cao đẳng nghề này nhưng các chương trình này chủ yếu được giảng dạy tại các cơ sở giáo dục tư nhân. Bên cạnh đó, các cơ sở này cũng có thể giảng dạy các chương trình riêng của họ và cấp chứng chỉ riêng.

Chứng chỉ Cao đẳng nghề Quốc gia (HNC):

- Thời gian: 1 năm toàn thời gian, 2 năm bán thời gian hoặc thậm chí 3 năm.
- Nội dung học: về mặt bậc trình độ, chương trình này tương đương với năm nhất của chương trình cử nhân (QCF trình độ 4). Các khóa học hướng tới thực tiễn và tập trung vào chuyên ngành. Sinh viên cần tích lũy đủ 120 tín chỉ để hoàn thành chương trình này.

- **Nhập học:** bằng BTEC trình độ 3 hoặc bằng BTEC trình độ 3 Mở rộng. Sinh viên đăng ký nhập học dựa vào GCE A levels và GCSEs thường được yêu cầu phải có 1 GCE A level và 3 đến 4 GCSE.
- **Lựa chọn chuyển đổi:** bằng HNC cho phép sinh viên theo học năm thứ hai của chương trình Văn bằng Cao đẳng nghề Quốc gia hoặc chương trình cử nhân.

Văn bằng Cao đẳng nghề Quốc gia

- **Thời gian:** 2 năm học toàn thời gian và đôi khi cộng thêm một 1 năm thực tập, tổng thời gian là 3 năm hoặc 3 đến 4 năm bán thời gian.
- **Nội dung học:** xét về bậc trình độ, Văn bằng Cao đẳng nghề Quốc gia tương đương với năm nhất và năm hai của chương trình cử nhân (QCF bậc 5). Các khóa học chủ yếu có bản chất thực tiễn và tập trung nhiều vào chuyên ngành. Sinh viên cần tích lũy đủ 240 tín chỉ để hoàn thành chương trình.
- **Nhập học:** bằng BTEC trình độ 3 hoặc bằng BTEC trình độ 3 Mở rộng. Sinh viên đăng ký nhập học dựa vào GCE A levels và GCSEs thường được yêu cầu phải có 1 GCE A level và 3 đến 4 GCSE.
- **Lựa chọn chuyển đổi:** bằng HND cho phép sinh viên theo học năm thứ hai hoặc năm thứ ba của chương trình cử nhân.

Bậc trình độ của một Văn bằng Cao đẳng nghề Quốc gia (HND) kém hơn 1 năm so với bằng cử nhân. Sinh viên có bằng HND thường sẽ tham gia chương trình cộng 1 năm để đạt được bằng cử nhân. Mặc dù vậy, khi được sử dụng để xét tuyển vào chương trình cử nhân, bằng HND đôi khi chỉ có tác dụng miễn năm đầu tiên. Đáng chú ý là các cơ sở giáo dục cũng chấp nhận bằng HND khi xét tuyển chương trình thạc sĩ (với điều kiện sinh viên đó phải có kinh nghiệm làm việc có liên quan), trong khi yêu cầu thực tế là bằng cử nhân danh dự loại ưu (nghĩa là xếp loại first-class hoặc upper second-class).

Các văn bằng Nền tảng

Bên cạnh HNC và HND, sinh viên theo học giáo dục cao đẳng nghề có thể được trao bằng giáo dục nền tảng (FD). Trong rất nhiều trường hợp, trường đại học là đơn vị cấp bằng FD trong khi cơ sở giáo dục đối tác mới là đơn vị cung cấp chương

trình học chính.

- Thời gian: 2 năm toàn thời gian hoặc 3 năm bán thời gian (240 tín chỉ).
- Nội dung học: kết hợp giữa lý thuyết và đào tạo thực tiễn, bằng FD thường cũng bao gồm một dự án và một giai đoạn thực tập.
- Nhập học: điều kiện nhập học có thể có sự khác biệt, từ một số GCSEs nhất định (thường là tiếng Anh và toán ở cấp độ 3) đến 1 hoặc 2 bằng A levels (cấp EE) hoặc một văn bằng BTEC mở rộng trong một nhóm ngành liên quan.
- Văn bằng: Bằng Nền tảng Đại cương (*Foundation degree in Arts – FdA*), Bằng Nền tảng Khoa học (*Foundation degree in Science – FdSc*) hoặc Bằng Nền tảng Kỹ sư (*FdEng*).

Lưu ý: Không có hệ thống phân loại đối với các bằng FD như với bằng cử nhân. Sau khi hoàn thành năm thứ nhất, sinh viên có thể được trao Chứng chỉ Cao học thông qua giấy ra trường.

Bằng nền tảng cho phép sinh viên tham gia vào thị trường lao động và nhập học vào năm thứ 3 của chương trình cử nhân (chương trình cộng 1 năm), giống với Văn bằng Cao học hoặc Văn bằng Cao đẳng nghề Quốc gia. Tuy nhiên, kết quả học tập đạt được sẽ không được tính vào xếp loại danh dự.

Vì sự yêu cầu nhập học ở mỗi nơi có sự khác biệt lớn, các chương trình FD không có một hệ thống đánh giá điểm đồng nhất; các chương trình này phải được đánh giá tùy theo từng trường hợp.

▪ Scotland

Hệ thống giáo dục Scotland có nhiều điểm tương đồng với những khu vực khác như Anh, xứ Wales và Bắc Ireland. Những điểm khác biệt nổi bật nhất sẽ được thể hiện trong các mục dưới đây.

Giáo dục tiểu học và trung học

Scotland có một Chương trình học Nâng cao cho giáo dục tiểu học và trung học từ năm 2010.

- Giáo dục tiểu học cho trẻ từ 5 đến 7 tuổi kéo dài trong 7 năm: Tiểu học lớp 1 đến lớp 7.
- Giáo dục trung học cho học sinh từ 12 đến 18 tuổi kéo dài 6 năm: Trung học lớp 1 đến lớp 6.

Đối với học sinh Scotland, 11 năm giáo dục bắt buộc kết thúc vào năm 16 tuổi, khi họ đã hoàn thành 4 năm giáo dục trung học (S4).

Toàn bộ chương trình học bao gồm 5 bậc trình độ:

- Bậc dự bị: giáo dục mẫu giáo và Tiểu học 1 (P1);
- Bậc đầu tiên: Tiểu học 2 – Tiểu học 4 (P2 – P4);
- Bậc thứ hai: Tiểu học 5 – Tiểu học 7 (P5 – P7);
- Bậc thứ ba/thứ tư: Trung học 1 – Trung học 3 (S1 – S3);
- Giai đoạn cuối: Trung học 4 – Trung học 6 (S4-S6).

Các môn học bắt buộc gồm thể chất và sức khỏe, đọc viết và số học. Tuy nhiên, không có chương trình học nào là cố định. Học sinh học trong các chương trình linh hoạt với các tổ hợp từ nhiều môn học (ví dụ: học theo chủ đề). Điều này có nghĩa học sinh có thể học các môn ở các cấp độ khác nhau trong cùng thời điểm và hoàn thành chương trình học theo tiến độ của riêng mình. Giáo viên được quyền tự do kết hợp các yếu tố trong môi trường sư phạm vào bài giảng (ví dụ như tập trung vào các cá nhân xuất sắc hoặc địa danh trong khu vực). Học sinh cũng cần phát triển một vài kỹ năng nhất định, bao gồm kỹ năng phân tích, kỹ năng giao tiếp và kỹ năng tin học.

Ở các năm đầu của giáo dục trung học (S1-S3), học sinh được học các môn ở

nhiều cấp độ khác nhau, từ 1 đến 5 (theo Trình độ Quốc gia). Ra đời từ năm 2013 – 2014, Trình độ Quốc gia thuộc sự phụ trách của Cơ quan Trình độ Scotland (SQA).

Học sinh S4 thường tham gia thi các môn trình độ 4 và 5; học sinh tham gia kỳ thi ‘Highers’ trong năm S5 và kỳ thi ‘Advanced Highers’ trong năm S6. Kỳ thi Highers là bắt buộc để nhập học vào các chương trình cử nhân tại Scotland, các chương trình thạc sĩ ‘trực tiếp’ (được giảng dạy tại các trường đại học Scotland) và các chương trình thạc sĩ tích hợp dài hạn. Kỳ thi Advanced Highers có thể cho phép sinh viên nhập học vào năm thứ hai của các chương trình nói trên.

Chứng chỉ Trình độ Scotland (SQC)

Cơ quan Trình độ Scotland (SQA) thay mặt cho chính phủ trao Chứng chỉ Trình độ Scotland (SQA). SQA cũng trao các chứng chỉ và văn bằng giáo dục đại học tại Scotland.

Trang [web](#) của SQA có:

- [danh sách](#) các môn học hiện có trong các bậc trình độ khác nhau;
- [danh sách](#) các tú tài tại Scotland;
- [danh sách](#) các môn học trong giáo dục trung cấp nghề, Các kỹ năng làm việc (SVQ).

▪ **Nhập học đại học**

Quy trình ứng tuyển vào các trường Đại học ở Scotland cũng thông qua UCAS. Hầu hết các trường đại học yêu cầu:

- 4 bằng Highers ở 4 môn học khác nhau với điểm A hoặc B, thường được thể hiện bằng tổ hợp điểm chữ, ví dụ như ABBB hoặc AAAB.
- Các môn học bổ sung nhất định (thường là toán và tiếng Anh) ở trình độ 5 Quốc gia.
- Điều kiện nhập học đối với các chương trình y khoa sẽ khắt khe hơn: 4 bằng Highers trở lên kết hợp với 2 bằng Advanced Highers.

Các yêu cầu nhập học đối với chương trình Chứng chỉ Cao đẳng nghề Quốc

gia:

- Thường là 2 bằng Highers với điểm tối thiểu là C; và/hoặc
- Trình độ 5 Quốc gia kết hợp với các môn Highers liên quan.

Các yêu cầu học vào năm hai của một chương trình cử nhân tại Scotland:

- 3 bằng Advanced Highers; hoặc
- Bằng Tú tài Scotland; hoặc
- Chứng chỉ Cao đẳng nghề Quốc gia.

▪ Giáo dục Đại học

Các cơ sở giáo dục đại học tại Scotland tương tự với các trường tại Anh, xứ Wales và Bắc Ireland. Ví dụ, giáo dục đại học tại Scotland cũng được chia thành:

- chương trình cấp bằng (degree programmes);
- chương trình không cấp bằng (non-degree programmes).

Cả hai loại hình đều có các giai đoạn tương tự như ở Anh, xứ Wales và Bắc Ireland:

- đại học;
- cao học.

Tuy nhiên, vẫn có 2 điểm khác biệt chính:

- Chương trình đại học cấp bằng danh dự kéo dài thêm 1 năm so với bằng đại trà (lần lượt kéo dài 4 năm và 3 năm).

- Sinh viên học Đại cương (các chương trình ngoài kỹ thuật hoặc khoa học) ở 4 trường đại học cũ (Aberdeen, St Andrews, Edinburgh và Glasgow) sẽ được trao bằng Thạc sĩ Đại cương (Danh dự) – *Master of Arts (Honours)* hay *MA (Hons)* thay vì bằng cử nhân.

Lưu ý: ở Anh, xứ Wales và Bắc Ireland, bằng MA (Hons) có cùng trình độ với bằng cử nhân.

Các cơ sở giáo dục Scotland cũng cung cấp các chương trình thạc sĩ tích hợp dài hạn (5 năm) kết hợp giữa bậc cử nhân và thạc sĩ, tuy chỉ có bằng thạc sĩ được trao vào cuối chương trình.

▪ Hệ thống đánh giá

Tại Vương quốc Anh, các cơ sở giáo dục sử dụng hệ thống điểm chữ hoặc số trong việc đánh giá thành tích của học sinh.

Giáo dục phổ thông

Hai thang điểm khác nhau được sử dụng trong đánh giá ở hệ trung học phổ thông:

- GCSE chấm trên thang điểm 9 đến 1 (A* đến G được sử dụng cho đến trước năm 2017/2018), với 9 (trước đây là A*) là điểm cao nhất và 4 (trước đây là A*, A, B và C) thể hiện thành tích đủ để đạt.
- GCE, chấm trên thang điểm A* đến E, tất cả các điểm này đều là điểm đạt (điểm A* được đưa ra trong bằng GCE vào năm 2010).

New grading structure	Current grading structure
9	
8	A*
7	A
6	B
5	
4	C
3	D
2	E
1	F
	G
U	U

Nguồn: [Trình độ của bạn, Quy định của chúng tôi – Cải cách GCSE, AS và A level tại Anh](#) (chính phủ Anh).

Scotland

Trình độ Quốc gia bậc 5, bằng Highers và Advanced Highers sử dụng thang điểm A đến D.

Giáo dục Đại học

Bậc Giáo dục Đại học ở Scotland sử dụng thang điểm là từ A đến D (hoặc E). Không có tiêu chuẩn quốc gia nào về việc chấm điểm. Nhiều trường đại học Scotland sử dụng hệ thống dưới đây với điểm D là điểm đạt tối thiểu.

Grade	In percentages
A	70% and higher
B	60-69%
C	50-59%
D	40-49%

Vào cuối chương trình cử nhân, nhà trường sẽ dựa trên toàn bộ điểm của sinh viên trong suốt quá trình học để xếp loại tốt nghiệp thể hiện kết quả chung sinh viên đạt được. Tuy nhiên, việc này không được áp dụng đối với bằng thạc sĩ và tiến sĩ (các văn bằng cao học).

Qualification	Definition
first class	good-very good (cum laude)
upper second	very satisfactory-good
lower second	satisfactory-very satisfactory
third	fair

Đạt bù (Compensated Pass – CP)

Tùy theo tình trạng đặc biệt, sinh viên có thể được trao kết quả ‘đạt bù’ cho một môn học mà họ đã trượt trước đó. Điểm tối thiểu là 30% và sinh viên phải đạt được mức trung bình nhất định ở các kết quả khác (ví dụ 45%). Điểm ban đầu của môn học đó sẽ được ghi trong bảng điểm với ghi chú ‘CP’.

Hệ thống tích lũy và chuyển đổi tín chỉ Châu Âu (ECTS)

Các trường đại học ở Anh ít khi sử dụng thang điểm ECTS, mà thay vào đó họ sử dụng chính hệ thống riêng của họ. Nếu hệ thống ECTS được sử dụng thì sẽ phụ thuộc vào kết quả học tập của sinh viên. Theo công thức chuyển đổi thông thường, 2 điểm tín chỉ của Anh sẽ tương đương với 1 tín chỉ ECTS.

Công nhận thành tích nước ngoài

Đọc thêm trên [website](#) của chúng tôi để tìm hiểu thêm thông tin về việc đánh giá kết quả học tập đã đạt được.

▪ Khung trình độ

Có nhiều khung trình độ khác nhau được sử dụng trong hệ thống giáo dục Anh:

- Khung Trình độ Quy định (RQF) cho giáo dục phổ thông tại Anh, xứ Wales và Bắc Ireland.
- Khung Trình độ Giáo dục Đại học (FHEQ) cho giáo dục đại học tại Anh, xứ Wales và Bắc Ireland (2001);
- Khung Văn bằng và Tín chỉ Scotland (SCQF).

Khung Trình độ Quy định (RQF) và Khung Trình độ Giáo dục Đại học (FHEQ)

Khung trình độ quốc gia tại Anh, xứ Wales và Bắc Ireland gồm tổng cộng 8 bậc trình độ. Khung Trình độ Quy định (RQF) bao gồm 3 bậc trình độ đầu tiên và Khung Trình độ Giáo dục Đại học (FHEQ) bao gồm các bậc trình độ còn lại:

- Bậc 1: chứng chỉ/văn bằng/giấy chứng nhận Bậc 1, GSCE 3, 2, 1/D, E, F, G, NVQ bậc 1.
- Bậc 2: chứng chỉ/văn bằng/giấy chứng nhận Bậc 2, GSCE 9, 8, 7, 6, 5, 4/A*, A, B, C, NVQ bậc 2, O level (A-C).
- Bậc 3: A level, AS level, Chứng chỉ tiếp cận giáo dục đại học (Access to higher education diploma), văn bằng IB, chứng chỉ/văn bằng/giấy chứng nhận Bậc 3, Chứng chỉ Quốc gia, Văn bằng Quốc gia, NVQ bậc 3.
- Bậc 4: các chứng chỉ trong năm nhất đại học, ví dụ như Chứng chỉ Giáo dục đại học (CertHE) và Chứng chỉ Cao đẳng nghề Quốc gia (HNC).
- Bậc 5: các chứng chỉ thể hiện 2 năm giáo dục đại học, ví dụ như Văn bằng Giáo dục Đại học (DipHE), văn bằng nền tảng (FD) và văn bằng cao đẳng nghề quốc gia (HND).
- Bậc 6: các chứng chỉ thể hiện 3 năm giáo dục đại học, ví dụ như văn bằng cử nhân danh dự và bằng cử nhân đại trà. Bậc trình độ 6 cũng bao gồm Chứng chỉ Tốt nghiệp Sư phạm, Chứng chỉ Tốt nghiệp và Văn bằng Tốt nghiệp.
- Bậc 7: các văn bằng cao học, bao gồm bằng Thạc sĩ, bằng Thạc sĩ Tích hợp và Chứng chỉ Cao học ngành Giáo dục (PGCE) hoặc Văn bằng Cao học.

- **Bậc 8:** tiến sĩ, bao gồm tiến sĩ nghiên cứu (PhD) và tiến sĩ chuyên nghiệp.

Các bậc trình độ này bao gồm nhiều văn bằng khác nhau và mỗi bậc lại có các kết quả đầu ra riêng. Các mô tả về trình độ đã được xác định rõ cho từng bậc trình độ, giúp định hướng cho kết quả đầu ra chung của từng bậc. Thông tin chi tiết hơn về FHEQ có thể được tìm thấy tại 2 trang sau: [Các bậc trình độ khác nhau](#) và [Hướng dẫn ngắn gọn về trình độ học thuật](#).

Khung Văn bằng và Tín chỉ Scotland (SCQF)

Tại Scotland, tất cả các bậc trình độ hình thành nên một khung trình độ quốc gia riêng biệt, được biết đến với tên gọi SCQF. SCQF có 12 bậc trình độ và được mô tả chi tiết về mặt kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ thông qua mô tả trình độ.

Dưới đây là tổng quát về 12 bậc trình độ này:

- **Bậc 12:** Tiến sĩ
- **Bậc 11:** Thạc sĩ
- **Bậc 10:** Cử nhân Danh dự
- **Bậc 9:** Cử nhân Đại trà
- **Bậc 8:** Văn bằng Cao đẳng nghề Quốc gia
- **Bậc 7:** Chứng chỉ Cao đẳng nghề Quốc gia và bằng Advanced Highers
- **Bậc 6:** Highers
- **Bậc 1 – 5:** Các Trình độ Quốc gia ở bậc 1 – 5

Các trình độ chuyên nghiệp (ví dụ: SVQs) cũng được kết nối với nhiều bậc trình độ khác nhau trong khung trình độ này. Thông tin cụ thể về SCQF có thể được tìm thấy trên [website](#) của SCQF.

▪ Đảm bảo và kiểm định chất lượng

Giáo dục đại học ở Anh không có hệ thống kiểm định do chính phủ quản lý. Các cơ quan kiểm định có tồn tại nhưng không đại diện cho chính phủ và thường tập trung vào các cơ sở tư nhân hoặc các hình thức giáo dục nhất định (như các khóa học viết hoặc đào tạo cho các bài kiểm tra chuyên nghiệp).

Các cơ sở được công nhận

Chính phủ Anh có thể công nhận các cơ sở Giáo dục Đại học theo luật chính quy, ví dụ như Hiến chương Hoàng Gia (*Royal Charter*). Các cơ sở được công nhận này (bao gồm tất cả các trường đại học tại Anh) được gọi là các cơ sở được công nhận (*recognised bodies*).

Các cơ sở được niêm yết

Các cơ sở được niêm yết là một nhóm riêng gồm các cơ sở chưa được công nhận nhưng có quyền cung cấp các chương trình cấp bằng được công nhận nhờ vào việc kết hợp với một cơ sở đối tác đã được công nhận. Các cơ sở được niêm yết tuy không được tự cấp bằng nhưng được quyền cung cấp các chương trình liên kết. Sau khi hoàn thành chương trình, sinh viên sẽ nhận được văn bằng từ đối tác của trường đó (cơ sở được công nhận).

Website của Chính phủ Anh bao gồm danh sách các [cơ sở được công nhận](#) và các [cơ sở được niêm yết](#).

Đảm bảo chất lượng

Trách nhiệm kiểm định chất lượng giáo dục đại học được đảm nhận bởi Cơ quan Đảm bảo Chất lượng Giáo dục Đại học (QAA), một cơ quan độc lập điều phối và ghi lại đánh giá hàng năm của các chương trình cấp bằng. Nếu chất lượng chương trình không đạt chuẩn, chính phủ có thể quyết định cắt tài trợ.

Đảm bảo chất lượng cho giáo dục phổ thông (GCSEs, AS levels, A levels và các trình độ trung cấp nghề) thuộc trách nhiệm của Văn phòng Trình độ và Quy định Kiểm tra (Ofqual). Được thành lập vào năm 2010, Ofqual là một tổ chức độc lập giám sát và điều tiết tiêu chuẩn chất lượng của các bậc trình độ và cung cấp thông tin về các bậc trình độ đó. Danh sách về các trình độ có thể được tìm thấy tại [đây](#).

Chứng nhận và nhượng quyền

Nhiều trường đại học tại Anh cung cấp các chương trình cấp bằng kết hợp với một cơ sở đối tác tại Anh hoặc nước ngoài, thỏa thuận đó được gọi là ‘điều khoản hợp tác’. Đa số các trường đại học Anh giữ danh sách các đối tác và các chương trình cấp

bằng có trong bản đăng ký điều khoản hợp tác.

Có hai loại đối tác chủ yếu:

- Chứng nhận: cơ sở đối tác phát triển và cung cấp chương trình cấp bằng và trường đại học Anh đều trao văn bằng/chứng chỉ và bảo đảm chất lượng.
- Nhượng quyền: trường đại học Anh phát triển chương trình cấp bằng và các cơ sở đối tác sẽ tiến hành giảng dạy.

Cả hai loại hình đều liên quan đến quan hệ đối tác với một cơ sở tại Anh hoặc nước ngoài. Một danh sách các điểm thể hiện 2 tên khác nhau của cơ sở cấp bằng và cơ sở giáo dục phản ánh việc áp dụng thỏa thuận này.

Đọc Quy tắc Chất lượng Giáo dục Đại học, đặc biệt chương B10: Quản lý điều khoản hợp tác giáo dục đại học với các trường khác, để biết hướng dẫn về các tiêu chuẩn và các ví dụ thực tế của việc hợp tác với các cơ sở đối tác. Quy tắc Chất lượng được xây dựng bởi [QAA](#).

Xác thực

Khi có nghi ngờ, văn bằng có thể được xác thực bởi cơ sở cấp văn bằng đó. Dựa theo yêu cầu, các cơ sở giáo dục tại Anh sẽ xác thực việc một sinh viên có thật sự được cấp bằng tại cơ sở đó không. Tuy nhiên trong đa số các trường hợp, việc này yêu cầu văn bản cho phép của sinh viên đó. Các cơ quan chuyên môn ví dụ như các cơ quan cho giáo viên, y tá và kỹ sư sẽ được phép cung cấp thông tin về trình độ chuyên nghiệp.

Trường Kinh tế và Khoa học Chính trị London có [cơ sở dữ liệu](#) bảo mật riêng. Các sinh viên đã được đăng ký có thể tạo đường link đến hồ sơ trực tuyến cho các bên cần xác thực văn bằng của sinh viên. Bản thân hồ sơ được bảo mật và không thể in thông tin.

Dữ liệu Văn bằng Giáo dục Đại học (HEDD) là một công cụ xác thực thay thế. Đây là một sáng kiến của Hội đồng Trợ cấp Giáo dục Đại học Anh (HEFCE), xây dựng dịch vụ mất phí này để ngăn chặn gian lận trong giáo dục đại học. Website của [HEDD](#) cung cấp 2 lựa chọn chính:

- Dịch vụ miễn phí: người dùng có thể kiểm tra xem một cơ quan cụ thể là trường được công nhận hay được niêm yết. Bên cạnh đó, họ có thể tìm kiếm thông tin về việc đổi tên và sát nhập (từ năm 1990).
- Dịch vụ mất phí: xác thực văn bằng Anh.

Để xác thực các chứng chỉ Cambridge, các cá nhân và cơ quan có thể tham khảo [dữ liệu trực tiếp CIE](#), dữ liệu này có sẵn cho các cơ sở giáo dục đại học không mất phí. Thông tin chi tiết về việc sử dụng dữ liệu này có thể được tìm thấy tại [Hướng dẫn CIE Direct](#).

▪ Tiến trình Bologna

Các chương trình cử nhân và thạc sĩ đã tồn tại ở Anh từ trước khi Tiến trình Bologna giới thiệu các chương trình này tại Châu Âu.

Thông tin chi tiết hơn về tình trạng hiện tại của Tiến trình Bologna có thể được tìm thấy trên [website](#) của Khu vực Giáo dục Đại học Châu Âu (EHEA).

▪ Các hiệp ước quốc tế

Vương quốc Anh kí kết Hiệp nghị Công nhận Lisbon vào năm 1997 và phê chuẩn vào năm 2003.

▪ Phụ lục văn bằng

Ngày nay các trường đại học ở Anh thường cung cấp danh sách các môn học và kết quả các bài kiểm tra (kết quả học tập của sinh viên) như phụ lục văn bằng. Tuy nhiên, Phụ lục Văn bằng quốc tế (Hội đồng châu Âu / UNESCO) vẫn chưa được thực hiện đồng nhất ở tất cả các trường đại học.

Thông tin chi tiết về Phụ lục Văn bằng (DS) có thể xem tại [website](#) của Ủy Ban Châu Âu.

▪ Thành phần hồ sơ

Giáo dục phổ thông

Chứng nhận tốt nghiệp giáo dục phổ thông ghi rõ các môn học mà học sinh đã đạt cùng với kết quả thi. Việc tìm thấy nhiều văn bằng khác nhau, được trao ở các thời điểm khác nhau hoặc bởi các hội đồng thi khác nhau, trong hồ sơ là việc hoàn toàn bình thường. Điều này là do học sinh có thể tham gia các bài thi của các môn học ở cả trình độ GCSE và GCE và thêm các môn thi bằng cách tham gia các kì thi bổ sung mỗi năm.

Giáo dục đại học

Các văn bằng giáo dục đại học:

- luôn nêu rõ tên văn bằng hay chứng chỉ;
- không phải lúc nào cũng nêu tên chương trình học

Bất kỳ thông tin nào về chương trình và các môn học không được nêu trong văn bằng có thể được tìm thấy trong các phụ lục như hồ sơ học thuật, Phục lục Văn bằng, Báo cáo thành thích Giáo dục Đại học (HEAR) hoặc mã UCAS của chương trình học.

Trong bảng điểm của một chương trình học đã được công nhận:

- ‘cơ sở cấp bằng’ ghi tên cơ sở cấp văn bằng đó;
- ‘cơ sở giáo dục’ ghi tên cơ sở dạy chương trình.

▪ Tổng quát các cơ sở giáo dục đại học

[Website](#) của Chính phủ Anh có một bản tổng quan về các cơ sở giáo dục đại học được công nhận.

Các trường đại học Scotland đã được công nhận:

- Đại học Abertay
- Đại học Edinburgh Napier
- Đại học Glasgow Caledonian
- Đại học Heriot-Watt

- Đại học Queen Margaret, Edinburgh
- Đại học Hoàng gia Conservatoire Scotland
- Đại học Mở
- Đại học Robert Gordon
- Đại học Aberdeen
- Đại học Dundee
- Đại học Edinburgh
- Đại học Glasgow
- Đại học St Andrews
- Đại học Stirling
- Đại học Strathclyde
- Đại học Highlands và Islands
- Đại học miền Tây Scotland

▪ Trang web hữu ích

- [Sở Giáo dục](#) là cơ quan thuộc chính phủ Anh phụ trách giáo dục tiểu học và trung học.
 - Website của chính phủ Anh bao gồm danh sách các [trường được công nhận](#) và [các trường được niêm yết](#).
 - [Cơ quan Đảm bảo chất lượng \(QAA\)](#) cung cấp thông tin về kiểm định và đảm bảo chất lượng trong hệ thống giáo dục Anh.
 - Tham khảo [Ofqual](#) để tìm các trình độ trong hệ thống giáo dục trung học Anh.
 - [UK NARIC](#) – Trung tâm Công nhận Văn bằng Quốc gia – là văn phòng quốc gia phụ trách công nhận và so sánh các văn bằng quốc tế.
 - [Dữ liệu kiểm tra văn bằng giáo dục đại học \(HEDD\)](#) cung cấp thông tin về trạng thái của các cơ sở giáo dục đại học Anh phục vụ cho mục đích xác minh.
 - [Dữ liệu xác minh](#) của Giáo dục Quốc tế Cambridge.

Scotland

- [Cơ quan kiểm định chất lượng Scotland](#) cung cấp thông tin về kiểm định và đảm bảo chất lượng các văn bằng Scotland.